TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Bản án số: 221/2025/HC-PT	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Ngày 10 tháng 3 năm 2025	
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Phan Nhựt Bình

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hừng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 760/2024/TLPT-HC ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 72/2024/HC-ST ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4646/2024/QĐPT-HC ngày 25 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trần Trọng P, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: 6 N, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 (xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: D V, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: 111/17/1A Hoàng Hoa Thám, phường Thắng Tam, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

2. Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V;

2. Ủy ban nhân dân thành phố V;

Địa chỉ: H L, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng T1 – Phó Chủ tịch UBND thành phố V (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Luật sư Nguyễn Thanh S – Công ty L1 (có mặt)

- Luật sư Nguyễn Thị Uyên U – Công ty L1 (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Minh Đ – Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường H3, thành phố V (xin xét xử vắng mặt).

- Ông Trần Văn P1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường H3, thành phố V (có mặt).

- Ông Vũ Văn Q – Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố V (có mặt)

- Ông Khương Xuân T2 - Luật sư (có mặt)

- Ông Huỳnh Anh T3 – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V (có mặt).

- Bà Hoàng Thị Thanh N – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V (xin xét xử vắng mặt).

3. Ủy ban nhân dân tỉnh B (xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: A P, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Ông Nguyễn Thái S1 – Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (xin xét xử vắng mặt);

Ông Lê Văn T4 -Chuyên viên Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân Phường H3, thành phố V

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn P1 – Phó Chủ tịch (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Phạm Thị Thu H – Công chức địa chính, xây dựng, đô thị và môi trường Ủy ban nhân dân Phường H3 (có mặt)

Địa chỉ: A C, Phường H, thành phố V;

- Công ty Cổ phần phát triển Công viên cây xanh và đô thị thành phố H3;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn T5 – Tổng Giám đốc (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: B V, Phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

- *Người kháng cáo:* Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện của người khởi kiện, ông Trần Trọng P và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền, ông Nguyễn Văn T trình bày:

Trước năm 1990 ông P công tác tại Trung tâm D. Đến ngày 07/7/1990, Công ty D1 có quyết định điều động ông đến nhận nhiệm vụ bảo vệ tại Công ty. Sau khi đến nhận nhiệm vụ mới ông P thấy có mảnh đất hoang bên kia đường đối diện với cổng của Công ty nên ông đã khai khẩn và cất căn nhà tạm sinh sống ổn định từ đó cho đến nay, có kê khai đóng thuế từ năm 1992 đến năm 2011. Hiện căn nhà mang số F N, Phường H, thành phố V, thuộc thửa đất số 08 (cũ 58). Tờ Bản đồ số 71 (cũ 05) với diện tích tổng cộng là 4.069,3m^2. Sự việc này cũng đã được H3 xác nhận ngày 31/10/2005. Năm 2006, do bị bão nên căn nhà tạm không thể ở ông P xây dựng căn nhà cấp 4 như hiện nay. Năm 2012, căn nhà cấp 4 xuống cấp, ông P sữa chữa lại thì UBND Phường 8 xuống lập biên bản yêu cầu xuất trình Giấy phép xây dựng. Hiện nay khu vực xung quanh cũng có rất nhiều hộ dân khai phá từ những năm 1990 và sinh sống ổn định không tranh chấp. Gia đình ông đã nhiều lần xin phép cấp Giấy chứng nhận nhưng các cơ quan cho rằng đất rừng nên không cấp Giấy chứng nhận. Trong khi có hộ sử dụng đất giống như gia đình ông lại được cấp Giấy chứng nhận từ năm 2001 (hộ bà Nguyễn Thị H1). Khi gia đình ông làm thủ tục cấp Giấy thì cơ quan chức năng trả lời đất của gia đình ông bị thu hồi từ năm 2003 để giao cho Công ty phát triển nhà tỉnh H3. Trong khi gia đình ông sử dụng từ năm 1990 nhưng không được biết đất bị cơ quan nhà nước thu hồi. Ngày 13/10/2023, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 6394/QĐ-KPHQ buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Theo đó buộc gia đình ông khắc phục hậu quả đối với hành vi xây dựng công trình và cổng rào trái phép trên đất có nguồn gốc là đất rừng phòng hộ. Trong khi

từ năm 2003 chính các cơ quan Nhà nước đã xác định diện tích đất này không còn là đất rừng phòng hộ mà quy hoạch dự án đồi Ngọc T6. Tiếp đó, ngày 13/11/2023 Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định 7335/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Ông P cho rằng Chủ tịch UBND thành phố V ban hành các quyết định nêu trên là không đúng quy định của pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông. Trong quá trình tố tụng, đại diện Chủ tịch UBND thành phố V cung cấp tài liệu chứng cứ trong đó có 02 Quyết định: Quyết định số 4160/QĐ-UBND ngày 07/11/2007 của UND thành phố V về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho Đơn vị: Công ty H3, H3. Địa chỉ: nơi thu hồi đất thuộc Đ, Phường H, thành phố V do Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng Công trình: Khu Biệt thự đồi N, Phường H, thành phố V và Quyết định số 9983/QĐ-UB ngày 29/10/2003 của UBND tỉnh B về việc thu hồi 17.333,6m^2 đất tại Phường H, thành phố V và giao toàn bộ diện tích đất trên cho Công ty Cổ phần H3 để đầu tư xây dựng và kinh doanh biệt thự Đ, phường H, thành phố V. Qua nghiên cứu, 02 Quyết định này ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Cụ thể là thu hồi và giao cho Công ty Cổ phần H3 và bồi thường cho người khác, trong khi phần đất ông đang trực tiếp sử dụng từ năm 1992, trên đất có nhà do ông xây dựng và gia đình ông đang sinh sống. Ông không được nhận hay thông báo thu hồi, không được bồi thường, không được giao đất tái định cư.

Nay ông đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Hủy toàn bộ Quyết định số 7335/QĐ-CCXP ngày 13/11/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V v/v cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả;

- Hủy toàn bộ Quyết định số 8570/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Trọng P khiếu nại Quyết định số 6394/QĐ-KPHQ ngày 13/10/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (lần đầu);

- Hủy toàn bộ Quyết định số 8718/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Trọng P khiếu nại Quyết định số 7335/QĐ-CCXP ngày 13/11/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (lần đầu).

- Hủy toàn bộ Quyết định số 4160/QĐ-UBND ngày 07/11/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho Đơn vị: Công ty H3, H3. Địa chỉ: nơi thu hồi đất thuộc Đ, Phường H, thành phố V do Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng Công trình: Khu Biệt thự đồi N, Phường H, thành phố V.

- Hủy một phần Quyết định số 9983/QĐ-UB ngày 29/10/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc thu hồi 17.333,6m^2 đất tại Phường H, thành phố V và

giao toàn bộ diện tích đất trên cho Công ty Cổ phần H3 để đầu tư xây dựng và kinh doanh biệt thự Đ, phường H, thành phố V (phần đất mà UBND thành phố V cho rằng thu hồi của gia đình ông để giao cho cho Công ty Cổ phần H3).

[2] Tại Công văn số 3782/UBND-TNMT ngày 26/4/2024 của UBND thành phố V, quá trình tham gia tố tụng và tại Tòa án, người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố V, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Nguồn gốc đất: Theo báo cáo của số 101/BC/UBND ngày 26/5/2020 của H3 và hồ sơ địa chính thì phần đất vi phạm theo bản đồ giải thửa năm 1989, diện tích này nằm trong thửa 58, tờ bản đồ số 05, ký hiệu đất rừng trồng (R). Theo sổ mục kê ruộng đất Phường 8 do Công ty D1 kê khai, đăng ký. Theo Hợp đồng khoán bảo vệ rừng gây trồng rừng phòng hộ số 224/HĐK 13/6/1995, và Bản phụ lục số 320/PLHĐ ngày 14/10/1996. Nhà nước giao khoán đất lâm nghiệp để sử dụng vào mục đích xây dựng rừng phòng hộ cho ông Lê Văn N1 (0,5 ha). Ngày 31/10/2005, UBND phường H3 xác nhận hồ sơ mắc điện cho ông Trần Trong P2 (P2) tại địa chỉ 6 N, tổ A, khu phố C, Phường H. Tại Biên bản kiểm kê nhà cửa, hoa màu, cây trái ngày 17/01/2006 do Ban giải phóng mặt bằng thành phố V lập đối với chủ hộ là Công ty H3 (Lê Văn N1), cuối Biên bản chủ hộ ông Trần Trọng P ký thay. Theo Biên bản diện tích 4.035m^2 đất Nhà nước, Công ty H3 quản lý và giao khoán rừng 732, hiện trạng nhà vách tôn (6,6m x 4,5m) và cây cối. Tại sổ lưu Biên bản xét quyền sử dụng đất ngày 16/02/2006 H3 lập danh sách đề nghị đền bù giao đất cho Công trình Khu biệt thự đồi Ngọc Tước 2 với nội dung: *"Đất nhà nước giao cho Công ty H3, ông Nguyễn Quốc H2 nhận khoán, ông Lê Văn N1 kiểm kê, ý kiến đề xuất đất nhà nước giao trồng cây không thu tiền sử dụng đất, không đến bù quyền sử dụng đất"*. Ngày 07/11/2007, UBND thành phố ban hành Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ đơn vị Công ty H3 dự án Khu B, theo đó không bồi thường về đất.

Về quy hoạch: Căn cứ Quyết định 1093/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND tỉnh B về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thành phố V diện tích đất thửa đất số 8, 59, 9,8 (cũ 58) thuộc đất ở tại đô thị, loại biệt thự và nhà liên kế. Giao cho Công ty cổ phần H3 làm chủ đầu tư.

Quá trình thực hiện công tác quản lý đất đai và xử lý vi phạm về đất đai, xây dựng trái phép đối với ông Trần Trọng P tại thửa số 8, 59,9 (cũ 58) tờ bản đồ số 32,70,71 bản đồ địa chính năm 2015 (cũ 05) Phường H:

Từ ngày 21/02/2012 đến 09/10/2018, Chủ tịch H3 đã lập nhiều biên bản vi phạm hành chính và ban hành nhiều quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định khắc phục hậu quả, quyết định cưỡng chế về xây dựng trái phép đối với ông P. Năm 2018 ông P khởi kiện ra Tòa án, do có ý kiến của Tòa án, ngày

24/7/2019 H3 ban hành Quyết định số 111/QĐ-HBXPVPHC hủy bỏ Quyết định 148/QĐ-UBND ngày 20/7/2017 của Chủ tịch H3 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra đối với ông P. Với lý do: Quyết định này còn thiếu sót về biện pháp chế tài buộc trả lại đất lấn, chiếm được quy định tại điểm b khoản 5, Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ.

Ngày 05/12/2022, Chủ tịch UNNBND thành phố V ban hành Quyết định 21/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông P. Do ông P không tự giác thực hiện, ngày 28/02/2022 Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 1482/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông P. Ngày 10/3/2022 ông P có đơn khiếu nại đối với Quyết định 21/QĐ-KPHQ và Quyết định 1482/QĐ-CCXP của Chủ tịch UBND thành phố V.

Ngày 13/9/2023, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định 5782/QĐ-HB về việc hủy bỏ Quyết định 21/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông P. Với lý do: Xác định hành vi vi phạm hành chính không đúng; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả không đúng, không đầy đủ đối với hành vi vi phạm hành chính. Ngày 06/10/2023, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định hủy bỏ Quyết định số 424/QĐ-XPHC ngày 14/6/2012 của Chủ tịch UBND thành phố V. Với lý do: Xác định hành vi vi phạm hành chính không đúng; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả không đúng, không đầy đủ đối với hành vi vi phạm hành chính.

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính ngày 12/10/2020, và Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 01/BB-XM và Biên bản xác minh số 02/BB-XM ngày 31/7/2023 của H3. Hành vi trên của ông P vi phạm điểm d khoản 3, khoản 5 Điều 14 Nghị định 91/2019NĐ-CP ngày 19/11/2019 (sửa đổi bổ sung năm 2022) của Chính phủ. Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định 6394/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông P (Công an xác định ông P3 với ông P là một). Do không tự giác thực hiện nên, ngày 13/11/2023 Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định 7335/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông P.

Ngày 02/11/2023 ông P khiếu nại Quyết định 6394/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 và Quyết định 7335/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V. Ngày 14/12/2023 Chủ tich UBND thành phố V ban hành Quyết định 8570/QĐ-UBND bác toàn bộ nội dung khiếu nại của ông P đối với khiếu nại Quyết định 6394/QĐ-UBND ngày 13/10/2023. Ngày 18/12/2023 Chủ tich UBND thành phố V ban hành Quyết định 8718/QĐ-UBND bác toàn bộ nội

dung khiếu nại của ông P đối với khiếu nại Quyết định 7335/QĐ-UBND ngày 13/11/2023.

Qua đối soát các tài liệu, chứng cứ và hồ sơ địa chính Phường 8, thì ông P có hành vi vi phạm hành chính về chiếm đất nông nghiệp là đất rừng phòng hộ tại khu vực đô thị thuộc một phần thửa đất số 8, 59, 9,8 (cũ 58) với diện tích khoảng 3.926,6m^2 tại địa chỉ 6 đường N, Phường H thành phố V. Hành vi được quy định tại điểm d, Khoản 3, Khoản 5, Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (sửa đổi bổ sung năm 2022). Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định 6394/QĐ-KPHQ là đúng quy định của pháp luật; Căn cứ Điều 28, Điều 70, Điều 75, Điều 86, Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi bổ sung năm 2020) Điều 33 Nghị định 166/2023/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định 7335/QĐ-CCXP là đúng quy định của pháp luật. Ông P khiếu nại, Chủ tịch UBND thành phố V Căn cứ Điều 27, 28,29,30,31 Luật khiếu nại năm 2011; Điều 16,18,18,20,25,27,29 Nghị định 124/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính Phủ quy định chi tiet thi hành một số điều của luật khiếu nại. Chủ tịch UBND thành phố V ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại là đúng quy định cua pháp luật.

Đề nghị Tòa án triệu tập thêm H3, và Công ty cổ phần phát triển nhà tỉnh H3 với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan và bác toàn bộ nội dung khởi kiện của ông Trần Trọng P.

[3] Quá trình tham gia tố tung tại Tòa án, người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh B không cung cấp tài liệu chứng cứ và văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND tỉnh cho rằng theo danh sách do UBND thành phố V cung cấp ban hành kèm theo Quyết định thu hồi đất số 9983/QĐ-UB ngày 29/10/2003 của UBND tỉnh B không có thửa đất số 58 (cũ 08) tờ bản đồ số 32 (cũ 05) và tên ông Trần Trọng P, Lê Văn N1 hoặc Công ty H3. Do vậy Ông Trần Trọng P không có quyền khởi kiện Quyết đinh này.

[4] Tại Công văn số 1046/UBND-ĐC ngày 28-5-2024 của H3, quá trình tham gia tố tụng và tại Tòa án người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân Phường H3 trình bày:

[4.1] Nguồn gốc đất:

Theo bản đồ giải thửa năm 1989 thì diện tích này nằm trong thửa 58 tờ bản đố số 05, ký hiệu rừng trồng (R) và theo Sổ mục kê ruộng đất Phường 8 do Công Ty D1 kê khai đăng ký. Ngày 13/6/1995 Nhà nước giao khoán đất lâm nghiệp để

sử dụng vào mục đích xây dựng rừng phòng hộ (0,5ha) cho ông Lê Văn N1 (Biên bản khoán nhận rừng và đất lâm nghiệp lập ngày 13/6/1995; Hợp đồng khoán bảo vệ rừng gây trồng rừng phòng hộ số 224/HĐK ngày 13/6/1995; Bản phụ lục số 320/PLHĐ ngày 14/10/1996).

Ngày 31/10/2005, H3 xác nhận hồ sơ mắc điện cho ông Trần Trọng P tại địa chỉ 6 N, Tổ A, Khu phố C, Phường H. Ngày 17/01/2006, Biên bản kiểm kê đất đai nhà cửa, hoa màu cây trái, VKT do Ban giải phóng mặt bằng thành phố lập đối với chủ hộ là công ty H3 (Lê Văn N1), cuối biên bản thì phần chủ hộ thay mặt ký là ông Trần Trọng P. Trong biên bản thể hiện: diện tích 4.035m2 đất nhà nước, công ty H3 quản lý và giao khoán rừng dự án 327, hiện trạng nhà vách tôn (6,6 x 4,5) và cây cối.

Tại Sổ lưu Biên bản xét quyền sử dụng đất ngày 16/02/2006, H3 lập danh sách đề nghị đền bù giao đất cho công trình Khu Biệt thự Ngọc tước 2 với nội dung: *"Đất nhà nước giao cho Công ty H3, ông Nguyễn Quốc H2 nhận khoán, ông Lê Văn N1 kiểm kê, ý kiến đề xuất đất Nhà nước giao trồng cây không thu tiền sử dụng đất, không đền bù quyền sử dụng đất"*.

Ngày 07/11/2007, UBND thành phố ban hành Quyết định số 4160/QĐ về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ đơn vị công ty H3 dự án khu biệt thực đồi Ngọc Tước 2: trong đó không bồi thường vế đất, chỉ bồi thường hoa màu.

Khu đất diện tích khoảng 3.926,6 m^2 một phần thửa đất số 8, 59, 9, 8 (cũ 58) tờ bản đồ số 32, 70, 71 thuộc bản đồ địa chính năm 2015 (cũ 05) của Phường H, địa chỉ 6 đường N, Phường H, thành phố V thuộc Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu B, thành phố V được UBND tỉnh B phê duyệt tại Quyết định số 10387/QĐ-UBT ngày 31/12/2002; phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỷ lệ 1/500 khu B, thành phố V tại Quyết định số 5099/QĐ-UB ngày 18/11/2008 do Công ty Cổ phần phát triển nhà tỉnh H3 làm chủ đầu tư. Theo quy hoạch được duyệt thì khu đất trên thuộc quy hoạch khu vực xây dựng các nhà biệt thự (lô L), các nhà liên kế (Lô M) và đường giao thông.

[4.2] Về quá trình xử lý vi phạm hành chính về đất đai và xử lý vi phạm hành chính về đất đai, xây dựng đối với ông Trần Trọng P tại thửa đất số số 8, 59, 9, 8 (cũ 58) tờ bản đồ số 32, 70, 71 thuộc bản đồ địa chính năm 2015(cũ 05) của Phường H.

Ngày 21/02/2012, Chủ tịch H3 ban hành Quyết định số 76/QĐ- UB v/v đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị đối với hành vi vi phạm của ông P: Tổ chức lắp đặt nhà tạm không xuất trình giấp phép xây dựng, bản vẽ thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Nhà tạm: 5m^2, cao 2,5m: vách tôn, mái tôn, cột cây).

Ngày 24/4/2012, H3 đã lập biên bản vi phạm hành chính và ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng đối với ông Trần Trọng P.

Ngày 14/6/2012, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 424/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực xây dựng (Nhà tạm 9m^2, tường rào 260m, cao 4m).

Ngày 14/6/2012, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 1594/QĐ-KPHQ áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong trường hợp đã hết thời hiệu xử phạt (Nhà cấp 4: 80,4m^2, 02 nhà tạm (48+9)m^2)).

Ngày 20/7/2012, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2029/QĐCC-UB áp dụng biện pháp cưỡng chế để thi hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong trường hợp đã hết thời hiệu xử phạt của Chủ tịch UBND thành phố V.

Ngày 24/7/2012, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2081/QĐCC-UB áp dụng biện pháp cưỡng chế để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND thành phố V.

Ngày 21/01/2013, Chủ tịch H3 ban hành Quyết định số 08/QĐ-UB về việc đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị đối với hành vi vi phạm của ông P: Tổ chức lắp đặt hàng rào tạm trên đất Nhà nước (phần đất Kho gas M1 thuê, đã bàn giao cho Công ty Phát triển nhà tỉnh B-VT ngày 02/01/2013).

Ngày 26/4/2013, H3 đã lập Biên bản vi phạm hành chính và ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng đối với ông Trần Trọng P, cụ thể: Xây dựng nhà trên đất nhà nước giao cho Công ty H3 thực hiện dự án. Hiện trạng: móng đá, tường gạch, cột gạch cao trung bình 2,0m, diện tích 4m x 8m.

Ngày 31/12/2013, H3 đã lập Biên bản vi phạm hành chính và ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng đối với ông Trần Trọng P, cụ thể: Xây dựng hệ thống công trình hàng rào không có giấy phép xây dựng, dài 50,0m. Hiện trạng: móng gạch cao 40,0cm, bắn tole chồng lên gạch (tole cao 2,0m).

Ngày 23/7/2014, H3 đã lập Biên bản vi phạm hành chính và ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng đối với ông Trần Trọng P, cụ thể: Xây dựng hàng rào trên đất không được phép xây dựng, dài 25m. Hiện trạng: đang làm móng đá.

Ngày 02/3/2016, H3 ban hành Quyết định số 26/QĐ-UB về việc đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị đối với hành vi vi phạm

của ông P: Tổ chức xây dựng nhà tạm không có giấy phép xây dựng, diện tích xây dựng 20,0 m^2, cột cây, mái tole, tường tole.

Ngày 13/5/2016, H3 ban hành Quyết định số 97/QĐ-UB về việc đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị đối với hành vi vi phạm của ông P: Tổ chức xây dựng nhà tạm không có giấy phép xây dựng, hiện trạng móng đá dài 10m+cao 0,3m.

Ngày 17/5/2016, H3 ban hành Quyết định số 98/QĐ-UB về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị đối với ông P, lý do: Không thực hiện Quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị số 97/QĐ-UB ngày 13/5/2016 của Chủ tịch H3: tổ chức xây dựng nhà tạm không có giấy phép xây dựng, hiện trạng móng đá dài 10m+cao 0,3m.

Ngày 26/5/2017, H3 lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Trần Trọng P.

Ngày 20/7/2017, H3 ban hành Quyết định số 148/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra (trong trường hợp đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai) đối với ông Trần Trọng P.

Ngày 28/8/2017, H3 ban hành Quyết định số 181/QĐ-UBND cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trần Trọng P.

Do ông Trần Trọng P không thực hiện Quyết định nêu trên, có ý kiến cho rằng ông tên là Trần Trọng Phu . Do đó, H3 có Văn bản số 209/UBND về việc đề nghị Công an Thành phố V xác minh họ, tên, của ông Trần Trọng P.

Ngày 18/6/2018, Công an thành phố V có Văn bản số 270/TB- CATP-QLHC về việc trả lời xác minh họ, tên Trần Trọng P3 trong Sổ hộ khẩu và CMND là Trần Trọng Phú

Ngày 25/9/2018, H3 ban hành Quyết định số 255/QĐ- SĐCCKPHQ sửa đổi, bổ sung quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 181/QĐ-UBND .

Ngày 25/9/2018, H3 có Kế hoạch số 102/KH-UBND thực hiện các Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra đối với ông Trần Trọng P.

Ngày 28/9/2018, UBND thành phố V có Công văn số 5706/UBND- TNMT về việc phê duyệt Kế hoạch cưỡng chế số 102/KH-UBND ngày 25/9/2018 của H3.

Ngày 03/10/2018, H3 chủ trì tổ chức buổi họp bàn triển khai kế hoạch đã được UBND thành phố V phê duyệt. Buổi họp đã thống nhất thời gian tổ chức cưỡng chế là: Vào lúc 08 giờ, ngày 11/10/2018 (Thứ năm).

Ngày 09/10/2018, H3 nhận được Thông báo số 13/2018/TLST-HC ngày 05/10/2018 của Toà án Nhân dân thành phố Vũng Tàu về việc thụ lý vụ án ông Trần Trọng P khởi kiện hành chính Quyết định số 148/QĐ-KPHQ ngày 20/7/2017, Quyết định 181/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 và Quyết định 255/QĐ-SĐCCKPHQ ngày 25/9/2018 của H3.

Ngày 10/10/2018, Toà án Nhân dân thành phố Vũng Tàu có Quyết định số 01/2018/QĐ-BPKPKCTT của về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời *"Tạm đình chỉ việc thi hành quyết định hành chính"* để bảo toàn tình trạng hiện có tránh gây thiệt hại không thể khắc phục được nếu tổ chức cưỡng chế", chờ phán quyết của Tòa án. Theo đó, H3 đã dừng tổ chức cưỡng chế.

Từ ý kiến của Tòa án Nhân dân thành phố Vũng Tàu, ngày 24/7/2019, H3 đã có Quyết định số 111/QĐ-HBXPVPHC hủy bỏ Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 20/7/2017 của Chủ tịch H3 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm gây ra đối với ông Trần Trọng P, với lý do: *"Quyết định này còn thiếu sót về biện pháp chế tài Buộc trả lại đất lấn, chiếm được quy định tại Điểm b, Khoản 5, Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ"*.

Ngày 31/12/2019, Chủ tịch H3 đã có Quyết định số 206/QĐ- HBXPVPHC hủy bỏ 181/QĐ-UBND cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trần Trọng P.

Ngày 12/10/2020, H3 lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 15/BB-VPHC đối với ông P; ngày 06/6/2023, H3 lập biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 01/BB-XM và số 02/BB-XM ngày 31/7/2023. Ngày 31/7/2023, H3 có Văn bản số 1098/UBND-ĐC về việc bổ sung các tình tiết xác minh trong hồ sơ xử lý vi phạm hành chính đối với ông P và kèm hồ sơ xử lý vi phạm hành chính đối với ông. Hồ sơ xử lý vi phạm hành chính thể hiện:

Hành vi vi phạm hành chính: Căn cứ nguồn gốc, quá trình quản lý, hiện trạng sử dụng đất và quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 3, Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 (sửa đổi, bổ sung năm 2022) của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, đủ cơ sở xác định Ông đã thực hiện hành vi chiếm đất nông nghiệp là đất rừng phòng hộ tại khu vực đô thị thuộc một phần thửa đất số 8, 59, 9, 8 (cũ 58) tờ bản đồ số 32, 70, 71 thuộc bản đồ địa chính năm 2015 (cũ 05) của Phường H với diện tích vi phạm khoảng 3.926,6 m^2 địa chỉ 6 đường N, Phường H, thành phố V.

Hiện trạng sử dụng đất:

+ Công trình tường xây gạch, cổng sắt, diện tích 46,9 m^2 thuộc một phần thửa đất số 08 (cũ 58) tờ bản đồ số 32 (cũ 05).

+ Tường rào, diện tích 7,3m^2 thuộc một phần thửa đất số 59 (cũ 58) tờ bản đồ số 32 (cũ 05).

+ Tường nhà để xe, diện tích 1,1m^2 thuộc một phần thửa đất số 9 (cũ 58) tờ bản đồ số 70 (cũ 05).

+ Công trình kết cấu móng đá, diện tích 53,6m^2 thuộc một phần thửa đất số 08 (cũ 58), tờ bản đồ số 71 (cũ 05).

+ Công trình kết cấu tường gạch, mái tôn, diện tích 80,7m^2 thuộc một phần thửa đất số 08 (cũ 58), tờ bản đồ số 71 (cũ 05).

+ Công trình kết cấu khung sắt, mái tôn, diện tích 60,1m^2 thuộc một phần thửa đất số 08 (cũ 58), tờ bản đồ số 71 (cũ 05).

+ Công trình kết cấu cột gỗ, vách tôn, mái tôn, diện tích 131,6m^2 thuộc một phần thửa đất số 08 (cũ 58), tờ bản đồ số 71 (cũ 05).

+ Công trình kết cấu cột gỗ, vách phi bao xi măng, mái tôn, diện tích 13,9m^2 thuộc một phần thửa đất số 08 (cũ 58), tờ bản đồ số 71 (cũ 05).

+ Công trình kết cấu cột gỗ, vách tôn, mái tôn, diện tích 10,3m^2 thuộc một phần thửa đất số 08 (cũ 58), tờ bản đồ số 71 (cũ 05).

+ Công trình kết cấu cột gỗ, vách tôn, mái tôn, diện tích 19,4m^2 thuộc một phần thửa đất số 08 (cũ 58), tờ bản đồ số 71 (cũ 05).

+ Công trình kết cấu cột gỗ, mái tôn, diện tích 20,4m^2 thuộc một phần thửa đất số 08 (cũ 58), tờ bản đồ số 71 (cũ 05).

+ Công trình bao gồm: 260,8m hàng rào bao quanh đất và cổng bằng tường gạch, cửa cổng sắt (mặt giáp hẻm F đường N) phần còn lại dài 225,06m là hàng rào tôn, cột sắt thuộc một phần thửa đất số 08 (cũ 58), tờ bản đồ số 71 (cũ 05).

Hành vi này được quy định tại Điểm d, Khoản 3, Khoản 5, Điều 14, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (sửa đổi, bổ sung năm 2022).

- Đối tượng vi phạm hành chính: ông Trần Trọng P, địa chỉ cư trú tại số F đường N, Phường H, thành phố V. Căn cứ hồ sơ xử lý vi phạm hành chính của H3 đề nghị; Chủ tịch UBND thành phố V đã ban hành Quyết định số 6394/QĐ-KPHQ ngày 13/10/2023 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trần Trọng P.

Ngày 05/01/2022, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 21/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trần Trọng P.

Do ông P không tự giác thực hiện, ngày 28/02/2022 Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 1482/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả với ông Trần Trọng P.

Ngày 10/3/2022, ông Trần Trọng P có đơn khiếu nại: Yêu cầu UBND Thành phố hủy bỏ Quyết định số 21/QĐ-KPHQ ngày 05/01/2022 và Quyết định số 1482/QĐ-CCXP ngày 28/02/2022 của UBND thành phố V; Tạm ngưng thi hành Quyết định số 21/QĐ-KPHQ ngày 05/01/2022 và Quyết định số 1482/QĐ-CCXP ngày 28/02/2022 của UBND thành phố V.

Ngày 13/9/2023, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 5782/QĐ-HB về việc hủy bỏ Quyết định số 21/QĐ-KPHQ ngày 05/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, lý do: xác định hành vi vi phạm hành chính không đúng; Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả không đúng, không đầy đủ đối với hành vi vi phạm hành chính (Theo Điểm đ Khoản 1 Điều 13, Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính).

Ngày 06/10/2023, Chủ tịch UBND thànhh phố V ban hành Quyết định 6225/QĐ-HB hủy bỏ Quyết định số 424/QĐ-XPHC ngày 14/6/2012 của Chủ tịch UBND thành phố V, lý do: Xác định hành vi vi phạm hành chính không đúng; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả không đúng, không đầy đủ đối với hành vi vi phạm hành chính (theo Điểm đ, Khoản 1, Điều 13, Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính).

Ngày 19/3/2024, Chủ tịch UBND thànhh phố V ban hành Quyết định 2181/QĐ-HB hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong trường hợp đã hết thời hiệu xử phạt số 1594/QĐ- KPHQ ngày 14/6/2012 của Chủ tịch UBND thành phố V, lý do: Xác định đối tượng vi phạm hành chính không đúng (Trần Trọng P); áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả không đúng, không đầy đủ đối với hành vi vi phạm hành chính (theo Điểm đ, Khoản 1, Điều 13, Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính).

Ngày 13/10/2023, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 6394/QĐ-KPHQ về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra đối với ông Trần Trọng P, địa chỉ 6 đường N, Phường H;

Ngày 13/11/2023, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 7335/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo Quyết định số 6394/QĐ-KPHQ ngày 13/10/2023.

Ngày 29/12/2023, UBND thành phố V ban hành Kế hoạch số 10701/KH-UBND về việc thi hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trần Trọng P tại Phường H, thành phố V. Ngày 11/01/2024, H3 chủ trì tổ chức cuộc họp bàn triển khai Kế hoạch của UBND thành phố V. Theo đó, thống nhất thời gian bắt đầu tổ chức cưỡng chế là: Vào lúc 07 giờ 30 phút, ngày 18/01/2024.

Tuy nhiên, ngày 17/01/2024, H3 nhận được Quyết định số 01/2024/QĐ-BPKCTT của Tòa án Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Tạm đình chỉ việc thi hành quyết định hành chính" để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án hành chính, tránh gây thiệt hại không thể khắc phục được nếu tổ chức cưỡng chế", chờ phán quyết của Tòa án. Do đó, việc thực hiện cưỡng chế vi phạm về đất đai của ông Trần Trọng P đã không thể thực hiện được.

[4.3] Về thu hồi đất năm 2007:

Theo phiếu kiểm tra hồ sơ phụ vụ công tác bồi thường, hỗ trợ đất thuộc công trình Khu biệt thự đồi N, Phường H, thành phố V.

Diện tích thu hồi là 4.035,0m2, nguồn gốc đất Nhà nước giao cho Công ty H3 quản lý, Công đoàn Phường 8 trồng rừng (cây tràm) trên đất. Đất Nhà nước quản lý nên không bồi thường.

Ngày 07/11/2007, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 4160/QĐ-UBND ngày 07/11/2007 của UBND thành phố V về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho Đơn vị: Công ty H3. Địa chỉ: nơi thu hồi đất thuộc Đ, Phường H, thành phố V do Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng Công trình: Khu B, Phường H, thành phố V. Trong đó: Không bồi thường đất, chỉ bồi thường hoa màu là 265 cây tràm.

Vụ việc ông Trần Trọng P vi phạm bao chiếm đất Nhà nước với diện tích lớn khoảng gần 4.000m^2 đã gây nhiều bức xúc cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân Phường 8 nhiều năm qua. Các cấp ngành từ Phường đến Thành phố đã mất rất nhiều thời gian để củng cố hồ sơ pháp lý để xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện từ khi lập hồ sơ vi phạm hành chính, ban hành quyết định buộc khắc phục hậu quả do vi phạm về đất đai, quyết định cưỡng chế đối với ông Trần Trọng P đã được các phòng ban chuyên môn rà soát đầy đủ. Bên cạnh đó, H3 cùng các ban ngành đoàn thể đã nhiều lần tổ chức họp vận động nhưng hộ gia đình ông P đều không chấp hành. Hành vi vi phạm chiếm đất Nhà nước là đã rõ ràng; UBND thành phố V cũng đã ban hành Quyết định giải quyết

khiếu nại của ông Trần Trọng P. Vì vậy, việc phải ban hành Kế hoạch và tổ chức cưỡng chế là bước cuối cùng cần phải thực hiện để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật cũng như mục đích là lấy lại đất cho Nhà nước.

Việc Tòa án Nhân dân Tỉnh ban hành Quyết định số 01/2024/QĐ-BPKCTT ngày 17/01/2024 về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đình chỉ thi hành Quyết định số 7335/QĐ-CCXP ngày 13/11/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V tạm dừng cưỡng chế để ngăn chặn biện pháp xử lý hành chính của Nhà nước như đã nêu trên sẽ làm giảm uy tín của hệ thống các cơ quan Nhà nước với người dân, dẫn đến việc coi thường pháp luật của người vi phạm cũng như gia đình ông Trần Trọng P và các hộ dân tương tự trong cùng khu vực. Bên cạnh đó, quyết định này của Tòa án không áp dụng bất kỳ biện pháp tố tụng nào để ràng buộc trách nhiệm của ông Trần Trọng P, không chỉ làm vô hiệu hoá chức năng, thẩm quyền quản lý hành chính Nhà nước về đất đai, trật tự xây dựng trên địa bàn phường theo quy định của pháp luật, để người vi phạm có cơ hội lợi dụng tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm, gây dư luận bất bình trong cán bộ đảng viên, công chức, người lao động, quần chúng Nhân dân trên địa bàn, dẫn đến việc chính quyền địa phương không thể kiểm soát, xử lý được sai phạm tương tự của các trường hợp khác xảy ra trên địa bàn phường quản lý.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tuyên bác đơn khởi kiện của ông Trần Trọng P và giữ nguyên các Quyết định:

- Quyết định số 6394/QĐ-KPHQ ngày 13/10/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trần Trọng P (sau đây viết tắt là Quyết định 6394).

- Quyết định số 7335/QĐ-CCXP ngày 14/10/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (sau đây viết tắt là Quyết định 7335).

- Quyết định số 4160/QĐ-UBND ngày 07/11/2007 của UBND thành phố V về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho Đơn vị: Công ty H3, H3. Địa chỉ: nơi thu hồi đất thuộc Đ , Phường H, thành phố V do Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng Công trình: Khu B, Phường H, thành phố V.

- Quyết định số 9983/QĐ-UB ngày 29/10/2003 của UBND thành phố V về việc thu hồi 17.333,6m^2 đất tại Phường H, thành phố V và giao toàn bộ diện tích đất trên cho công ty Cổ phần H3 để đầu tư xây dựng và kinh doanh biệt thự Đồi ngọc T, Phường H, thành phố V.

[5] Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần H3 trình bày:

Công ty không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Trọng P. Kính đề nghị quý Tòa căn cứ vào các quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

Tại Bản án hành chín h sơ thẩm số 72/2024/HC-ST ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã quyết định:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Trọng P.

- Hủy Quyết số 6394/QĐ-KPHQ ngày 13/10/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trần Trọng P;

- Hủy Quyết định số 7335/QĐ-CCXP ngày 14/10/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trần Trọng P;

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 8570/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V;

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 8718/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V.

[2] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Trọng P đối với:

- Quyết định số 4160/QĐ-UBND ngày 07/11/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho Đơn vị: Công ty H3. Địa chỉ: nơi thu hồi đất thuộc Đ, Phường H, thành phố V do Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng Công trình: Khu Biệt thự đồi N, Phường H, thành phố V.

- Một phần Quyết định số 9983/QĐ-UB ngày 29/10/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc thu hồi 17.333,6m^2 đất tại Phường H, thành phố V và giao toàn bộ diện tích đất trên cho Công ty Cổ phần H3 để đầu tư xây dựng và kinh doanh biệt thự Đ, phường H, thành phố V.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 29/7/2024, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V có đơn kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố V và UBND thành phố V thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, sửa một phần bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông P (Phu) về việc hủy các Quyết số 6394/QĐ-KPHQ ngày 13/10/2023, Quyết định số 7335/QĐ-CCXP ngày 14/10/2023, Quyết định giải quyết khiếu nại số 8570/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 8718/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V.

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Thanh S, ông Huỳnh Anh T3 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố V và UBND thành phố V trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Đồng Văn L vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là thiếu sót; Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ mà đã xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P (Phu). Do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm trả hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

Luật sư Khương Xuân T2 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố V và UBND thành phố V trình bày: Trước năm 2006 ông P3 có lấn chiếm đất sau đó chuyển nhượng lại cho ông L, do ông L không đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được nên đã trả phần đất trên lại cho ông P, ông P lấn chiếm lại đất cho đến nay. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P.

Đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan H3, thành phố V thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND thành phố V.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, sửa án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người bị kiện được làm đúng thời hạn, hình thức nội dung đảm bảo theo quy định pháp luật.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ, người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần H3 và đô thị thành phố V, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính, Tòa án nhân dân Cấp Cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Xét kháng cáo của người bị kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Hồ sơ thể hiện, phần đất có liên quan đến khiếu kiện được UBND tỉnh B giao cho Công ty D1 làm dự án phát triển rừng phòng hộ theo dự án 732 vào năm 1993. Năm 1995, Công ty H3 giao khoán cho ông Lê Văn N1 trồng rừng. Tuy nhiên, sau khi ký Hợp đồng với Công ty H3, ông N1 không chăm sóc dẫn đến cây bị chết khô. Theo Biên bản kiểm kê ngày 16/5/1998 của Hạt kiểm lâm thành phố V diện tích giao khoán cây bị chết khô do nắng hạn. Sau năm 1998, thấy đất bỏ hoang ông P đến canh tác, sử dụng và làm nhà ở, đến ngày 18/3/2003 ông P chuyển nhượng nhà đất cho ông L và ông T3. Tuy nhiên, do đất không có giấy tờ gì nên ông L và ông T3 sau đó trả lại cho ông P. Năm 2005, do bão nên căn nhà ông P dựng tạm bị sập, ông P xin phép sửa lại căn nhà mới nhưng H3 không cho phép. Năm 2006, ông P tự ý xây lại căn nhà khác bên cạnh căn nhà dựng tạm trước đây và sử dụng liên tục từ đó cho đến nay, có đóng thuế sử dụng đất từ năm 1992 đến năm 2012 (năm 2012 truy thu thuế các năm trước đây) được xác nhận tại văn bản số 14855/CCTKV-LXP ngày 20-11-2023 của Chi cục Thuế Khu vực V - C. Trên đất ông P trồng nhiều cây ăn trái như Xoài, M, N2 có đường kính khoảng 35cm. Năm 2012, H3 lập biên bản vi phạm hành chính và ban hành nhiều Quyết định xử phạt hành chính. Tuy nhiên, năm 2019, H3 hủy bỏ các quyết định hành chính và Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định 21/QĐ-UBND năm 2022, sau đó Chủ tịch UBND thành phố hủy bỏ Quyết định 21/QĐ-UBND do các quyết định này ban hành không đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Trên cơ sở Biên bản xác minh ngày 06/6/2023 của H3 thành phố V xác định ông P có hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 3, khoản 5 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ, ngày 13/10/2023 Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định 6394/QĐ-UBND về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông P với lý do ông P lấn chiếm đất nông nghiệp là đất rừng phòng hộ tại khu vực đô thị thuộc một phần thửa đất số 58 (số mới 8,59,81) tờ bản đồ số 05 (số mới 32,70,71), loại đất rừng với diện tích 3.926,6m^2 gồm các công trình xây dựng.

[2.3] Căn cứ văn bản số 3782/UBND-TNMT ngày 26/4/2024 của UBND thành phố V xác định diện tích 3.926,6m^2 địa chỉ 6 đường N, Phường H, thành phố V thuộc quy hoạch Đất ở tại đô thị, do đó diện tích đất nêu trên của ông P đủ điều kiên được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía Người bị kiện cũng thừa nhận phần đất ông P bị xử phạt từ năm 2003 đã có quy hoạch đất nhà biệt thự, nhà liên kế và đường giao thông, không còn quy hoạch rừng phòng hộ.

[2.4] Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 6394/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm (buộc tháo dỡ toàn bộ công xây dựng trên diện tích đất đã vi phạm); Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm

là 864.093.564 đồng theo quy định tại điểm a, điểm d Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 (sửa đổi theo khoản 3 Điều 1 Nghị định 04/2022/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 06/01/2022) của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, với lý do ông P lấn chiếm đất nông nghiệp là đất rừng phòng hộ tại khu vực đô thị thuộc một phần thửa đất số 58 (số mới 8,59,81) tờ bản đồ số 05 (số mới 32,70,71), loại đất rừng với diện tích 3.926,6m2 gồm các công trình xây dựng là không đúng quy định của pháp luật. Do Quyết định số 6394/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả không đúng quy định của pháp luật nên Quyết định số 7335/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế xử phạt của Chủ tịch UBND thành phố V ban hành cũng không có căn cứ.

[2.5] Do các Quyết định số 6394/QĐ-KPHQ và số 7335/QĐ-CCXP của Chủ tịch UBND thành phố V không đúng quy định nên các Quyết định giải quyết khiếu nại số 8570/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 và Quyết định số 8718/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V có nội dung bác đơn khiếu nại của ông Trần Trọng P cũng là trái pháp luật nên cần phải hủy.

[2.6] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông P về việc hủy các Quyết số 6394/QĐ-KPHQ ngày 13/10/2023, Quyết định số 7335/QĐ-CCXP ngày 14/10/2023, Quyết định giải quyết khiếu nại số 8570/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 8718/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V là đúng quy định của pháp luật.

[2.7] Đối với Quyết định số 9983/QĐ-UB ngày 29/10/2003 của UBND tỉnh B: Theo danh sách do UBND thành phố V cung cấp ban hành kèm theo Quyết định số 9983/QĐ-UB ngày 29/10/2003 của UBND tỉnh B, trong tổng số 176.333.6m^2 đất không có thửa đất số 58 (mới 8,59,9,8) với diện tích 3.926,6m^2 do ông Trần Trọng P3 đang sử dụng, cũng không có tên ông Lê Văn N1 hoặc Công ty H3 cây xanh sử dụng đất. Do vậy, Quyết định số 9983/QĐ-UB ngày 29/10/2003 của UBND tỉnh B không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông P, ông P không có quyền khởi kiện quyết định này.

[2.8] Đối với Quyết định số 4160/QĐ-UBND ngày 07/11/2007 của UBND thành phố V về phê duyệt kinh phí bồi thường cho Công ty H3: Theo quyết định này, diện tích đền bù đối với thửa 74 không phải thửa 8,59,9,8 (cũ 58) tờ bản đồ số 32, 70,71 (cũ 05) mà ông P đang sử dụng. Do vậy, Quyết định số 4160/QĐ-UBND ngày 07/11/2007 của UBND thành phố V về phê duyệt kinh phí bồi thường cho Công ty H3 không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông P, nên ông P không có quyền khởi kiện quyết định này.

[2.9] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đình chi giải quyết đối với yêu cầu hủy các Quyết định nêu tại mục [2.7] và [2.8] là có căn cứ, đúng quy định.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, kháng cáo của Chủ tịch UBND thành phố V là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Chủ tịch UBND thành phố V và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Quan điểm của Kiểm sát viên không phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Ngoài ra, về án phí hành chính sơ thẩm, do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên người khởi kiện không phải chịu; người bị kiện phải chịu. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tuyên buộc Chủ tịch UBND thành phố V nộp 300.000 đồng mà không tuyên xử lý tiền tạm ứng án phí người khởi kiện đã nộp là thiếu sót nhưng sai sót này không làm thay đổi bản chất vụ án nên Tòa án cấp phúc thẩm bổ sung cho phù hợp, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch UBND thành phố V phải chịu, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Bác yêu cầu kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố V. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 72/2024/HC-ST ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Áp dụng khoản 3 Điều 1 Nghị định 04/2022/NĐ-CP (sửa đổi bổ sung Nghị định 91/2019/NĐ-CP) có hiệu lực từ ngày 06/01/2022; điểm c khoản 2 Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Trọng P.

- Hủy Quyết số 6394/QĐ-KPHQ ngày 13/10/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trần Trọng P;

- Hủy Quyết định số 7335/QĐ-CCXP ngày 14/10/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trần Trọng P;

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 8570/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V;

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 8718/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V.

[2] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Trọng P đối với:

- Quyết định số 4160/QĐ-UBND ngày 07/11/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho Đơn vị: Công ty H3. Địa chỉ: nơi thu hồi đất thuộc Đ, Phường H, thành phố V do Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng Công trình: Khu Biệt thự đồi N, Phường H, thành phố V.

- Một phần Quyết định số 9983/QĐ-UB ngày 29/10/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc thu hồi 17.333,6m^2 đất tại Phường H, thành phố V và giao toàn bộ diện tích đất trên cho Công ty Cổ phần H3 để đầu tư xây dựng và kinh doanh biệt thự Đ, phường H, thành phố V.

[3] Án phí hành chính sơ thẩm:

- Ông Trần Trọng P không phải chịu. Hoàn trả cho ông Trần Trọng P số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000206 ngày 22/01/2024 của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

[4] Án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V phải chịu 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000593 ngày 31/7/2024 của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP . HCM;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Thanh Thúy